TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh pc

Bản án số: 29/2021/DS - ST.
Ngày: 13 - 5 - 2021.
V/v "tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG P, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Rực

2. Ông Thạch Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Châu Ngọc Đ, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số 137, ấp Lợi H, xã Long Đ, huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1951 và bà Đặng Thị S, sinh năm 1953; Địa chỉ: ấp An H, xã Long Đ, huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/02/2020 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Châu Ngọc Đ trình bày:

Vào ngày 16/5/2014 âm lịch bà Đặng Thị S có hỏi vay của ông số tiền là 1.500.000.000 đồng, khi vay bà S có làm giấy tay cho ông Đ và hứa mỗi năm sẽ trả 100.000.000 đồng. Từ thời gian vay cho đến nay bà S và ông H trả được 482.000.000 đồng còn lại là 1.018.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện ông Đ yêu cầu bà S, ông H phải trả cho ông Đ 1.100.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà S, ông H đã trả cho ông số tiền là 82.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu bà S, ông H phải trả cho ông 1.018.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long P tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 474, Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Châu Ngọc Đ về việc buộc bà Đặng Thị S phải có trách nhiệm trả cho ông Châu Ngọc Đ số tiền là 1.018.000.000 đồng

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Châu Ngọc Đ về việc buộc ông Lê Văn H phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Đặng Thị S phải có trách nhiệm trả cho ông Châu Ngọc Đ số tiền là 1.018.000.000 đồng

Ngoài ra, bà S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Đòi lại tài sản". Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 1.018.000.000 đồng xuất phát từ hợp đồng vay vào ngày 16/5/2014 giữa nguyên đơn và bà S. Nên đối chiếu với Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là " Hợp đồng dân sự vay tài sản".

Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn cung cấp địa chỉ của bị đơn tại ấp An Hxã Long Đ, huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng. Ngày 13/02/2020 Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và ngày 16/02/2020 bị đơn xuất cảnh đi nước ngoài (đi sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án). Tuy nhiên, qua xác minh bị đơn trước khi đi nước ngoài bị đơn có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại ấp An Hxã Long Đ, huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng, địa chỉ này phù hợp với địa chỉ được ghi trong giấy mượn tiền xác lập vào ngày 16/5/2014 giữa nguyên đơn và bà S. Đối chiếu với điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ -HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự nên được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án huyện Long P tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung là có căn cứ.

Ông Lê Văn H và bà Đặng Thị S mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Lê Văn H và bà Đặng Thị S.

Mặt khác, theo đơn khởi kiện ngày 12/02/2020 nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn 1.100.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án bà S có trả cho nguyên đơn 82.000.000 đồng nên tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn 1.018.000.000 đồng. Xét việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện nên căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cho rằng, bị đơn có vay của nguyên đơn 1.500.000.000 đồng và đã trả được 482.000.000 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền là 1.018.000.000 đồng. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp cho Tòa án "Giấy tay mượn tiền" trong đó có ghi ".....Hôm nay ngày 16 tháng 5 năm 2014 ÂL, tôi có mượn số tiền của em Châu Ngọc Đ SN1963 ngụ tại ấp Lợi Hưng – xã Long Đ – Long P – ST với số tiền là: 1.500.000.000 đồng (một tỉ năm trăm triệu đồng) tôi hứa 1 năm trả 1 trăm triệu và đến năm thứ tư trở về sau là 1 trăm 50 triệu trên năm. Trả đến khi hết số tiền mượn trên", có chữ ký của bà Đặng Thị S. Mặt khác, tại lời khai của người làm chứng ngày 03/12/2020 của bà Lê Thị Thoa khai: "Tôi không có chứng kiến trực tiếp việc vay mượn tiền giữa ông Đ, bà S và ông H, hai bên giao dịch, giao nhận tiền như thế nào tôi không biết. Nhưng trước khi ông Châu Ngọc Đ thưa thì bà S có đến nhà tôi nhờ tôi trả dùm cho ông Đ là 20.000.000 đồng, số tiền này tôi nhận và giao trả cho ông Đ cụ thể người nhận là bà Lê Thị Hòa, vợ ông Châu Ngọc Đ nhận vào ngày 20/12/2019. Khi bà S đưa tiền cho tôi có nói với tôi thiếu nợ ông Châu Ngọc Đ 1,5 tỷ, đã trả trước 400.000.000 đồng còn lại 1,1 tỷ nhờ tôi ra nói dùm mỗi năm trả cho ông Đ 150.000.000 đồng cho hết nợ và tôi đưa nhờ trả dùm trước 20.000.000 đồng; Ngoài ra, gần tết bà Thuận là con của bà S có chở bà S cùng với ông Đ, bà Hòa có ra nhà tôi và bà Hòa có nói " Gần tết rồi sao không trả tiền cho bà", bà S mới nhờ bà nói dùm cho bà trả dần nhưng ông Đ, bà Hòa không đồng ý và muốn gì lên Tòa án thỏa thuận"; tại thời điểm đó bà S mượn của tôi 2.000.000 đồng và bà S trả cho ông Đ số tiền trên. Tổng hai lần là 22.000.000 đồng. Khi có mặt các bên, tôi nghe rõ bà S còn nợ ông Đ 1,1 tỷ, sự việc này còn có bà Thuận, con bà S nghe biết" và Tại tờ tường trình ngày 09/4/2021 bà Thoa trình bày: Ngoài hai lần trên bà S còn gởi tiền trả cho ông Đ vào ngày 03/11/2020 số tiền 30.000.000 đồng và ngày 20/12/2020 trả 30.000.000 đồng do con dâu bà S là bà Võ Thị Trúc Ly trả. Lời khai của bà Thoa phù hợp với lời khai của bà Võ Thị Trúc Ly ngày 09/4/2020 khai: "Bà S có gởi tiền cho bà tổng cộng là 60.000.000 đồng để trả thay cho ông Đ. Bà chỉ biết bà S nợ ông Đ nhưng không biết là bao nhiêu và vay mượn như thế nào là hoàn toàn không biết". Từ phân tích nêu trên Đ cơ sở xác định rằng từ khi nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà S phải trả số tiền trên

nhưng bà không phản đối, không ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án bà S có gởi tiền về cho con dâu là bà Trần Thị Trúc Ly trả cho ông Đ thay cho bà S nên có Đ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định bà S có nợ của nguyên đơn số tiền 1.018.000.000 đồng là có căn cứ.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà S, ông H phải trả 1.018.000.000 đồng. Xét thấy, tại "Giấy tay mượn tiền" trong đó không có ghi mục đích vay làm gì, biên nhận không có chữ ký ông H và nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh bà S vay để sử dụng mục đích trong gia đình av2 phù hợp với lời khai người làm chứng bà Võ Thị Trúc Ly khai " Theo tôi biết ông H không biết vì số tiền này bà S không dùng trong gia đình". Nên đối chiếu với Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn ông H có trách nhiệm liên đới cùng bà S trả số tiền trên là không có căn cứ chấp nhận.

Từ phân tích nêu trên, xét thấy, bị đơn bà S là người có lỗi để vi phạm hợp đồng nên đối chiếu với Điều 290, Điều 474, Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005 yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bà S phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 1.018.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Về lãi suất: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bị đơn bà Đặng Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án.

[5] Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long P là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 280, Điều 474, Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Châu Ngọc Đ về việc buộc bà Đặng Thị S phải có trách nhiệm trả cho ông Châu Ngọc Đ số tiền là 1.018.000.000 đồng

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông Châu Ngọc Đ cho đến khi thi hành án xong, nếu bà Đặng Thị S không trả số tiền nêu trên cho ông Châu Ngọc Đ thì hàng tháng bà Đặng Thị S còn phải trả cho ông Châu Ngọc Đ số tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Châu Ngọc Đ về việc buộc ông Lê Văn H phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Đặng Thị S phải có trách nhiệm trả cho ông Châu Ngọc Đ số tiền là 1.018.000.000 đồng

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Đặng Thị S phải chịu 42.540.000 đồng (bốn mươi hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Ông Châu Ngọc Đ không chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Châu Ngọc Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 19.500.000 đồng (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002493 ngày 12/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự pc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Long P;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyệnLong P;
- TA tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu (HS,VP).

DƯƠNG THỊ THANH HOA